

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC KẾ TOÁN TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ SỐ

VŨ THỊ THẢO

Học viện Tài chính - Phân hiệu Hưng Yên

Nhận bài ngày 10/7/2026. Sửa chữa xong 10/8/2026. Duyệt đăng 14/8/2026.

Abstract

In the context of the rapidly developing digital economy and the Fourth Industrial Revolution, the accounting profession is undergoing a transformation from traditional data recording and processing toward information analysis, financial advisory services, and technology-enabled decision support. This transformation creates an urgent need to improve accounting human resource training to meet the demands of the labor market and Vietnam's national digital transformation process. This article analyzes the current state of accounting human resource training in the context of the digital economy and, on that basis, proposes solutions to improve the quality of training to meet the requirements of digital economic development and international integration.

Keywords: Accounting, digital economy, human resources, solutions, training.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số (CĐS) diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, nền kinh tế số đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới mô hình quản trị và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), blockchain, Internet vạn vật (IoT) và tự động hóa quy trình (RPA) đã làm thay đổi căn bản phương thức vận hành của các tổ chức, trong đó lĩnh vực kế toán là một trong những lĩnh vực chịu tác động rõ nét nhất. Nhiều công việc kế toán truyền thống như ghi chép, xử lý chứng từ, hạch toán và lập báo cáo tài chính đang dần được tự động hóa, trong khi vai trò của người làm kế toán chuyển từ thực hiện nghiệp vụ sang phân tích dữ liệu, tư vấn tài chính và hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định. Sự thay đổi này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực kế toán (NNLKT). Nếu trước đây chương trình đào tạo chủ yếu tập trung vào việc trang bị kiến thức chuyên môn về kế toán, kiểm toán, tài chính và thuế thì hiện nay người học cần được phát triển đồng thời năng lực công nghệ số, kỹ năng phân tích dữ liệu, tư duy phản biện, khả năng sử dụng các phần mềm quản trị hiện đại và năng lực học tập suốt đời. Tại Việt Nam, quá trình CĐS quốc gia đang được Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp thúc đẩy mạnh mẽ. Hệ thống hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, khai và nộp thuế điện tử cùng với việc ứng dụng các hệ thống ERP và các nền tảng quản trị doanh nghiệp đã tạo ra nhu cầu ngày càng lớn về đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao và khả năng ứng dụng công nghệ hiệu quả. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chất lượng đào tạo kế toán ở nhiều cơ sở giáo dục vẫn còn khoảng cách so với yêu cầu của thị trường lao động nên việc nâng cao chất lượng đào tạo NNLKT trong bối cảnh nền kinh tế số là yêu cầu rất cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về đào tạo nguồn nhân lực kế toán trong bối cảnh nền kinh tế số

2.1.1. Những kết quả đạt được trong đào tạo nguồn nhân lực kế toán

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình CĐS quốc gia và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công tác đào tạo NNLKT tại Việt Nam đã có nhiều chuyển

Email: ngocthao.hy@gmail.com

biến tích cực. Các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước đã từng bước đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và mô hình hợp tác nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Mặc dù vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục nhưng những kết quả đạt được đã tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng đội ngũ nhân lực kế toán có khả năng thích ứng với môi trường số, cụ thể:

- *Chương trình đào tạo kế toán từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại và gắn với yêu cầu thực tiễn:* Nội dung đào tạo tại nhiều trường đại học đã có sự thay đổi theo hướng cập nhật kiến thức về CDS, ứng dụng công nghệ thông tin và chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế. Bên cạnh các học phần truyền thống như kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán và thuế, nhiều cơ sở đào tạo đã bổ sung các nội dung về hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), hóa đơn điện tử, kế toán trên nền tảng điện toán đám mây, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán (Bùi Quang Hùng, Mai Thị Hoàng Minh, 2024). Sự thay đổi này giúp sinh viên (SV) có điều kiện tiếp cận với những công nghệ đang được doanh nghiệp sử dụng, từ đó nâng cao khả năng thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp. Ví dụ, trong quá trình học, SV không chỉ thực hành ghi sổ kế toán theo phương pháp truyền thống mà còn được sử dụng các phần mềm kế toán như MISA, FAST hoặc Bravo để xử lý nghiệp vụ, lập báo cáo tài chính và quản lý dữ liệu kế toán. Điều này giúp người học hình thành tư duy làm việc trên môi trường số ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, đồng thời giảm đáng kể thời gian đào tạo lại khi được tuyển dụng.

- *Chất lượng đào tạo được nâng cao thông qua việc đổi mới phương pháp giảng dạy:* Nếu trước đây hoạt động giảng dạy chủ yếu dựa trên phương pháp truyền thống, lấy giảng viên (GV) làm trung tâm thì hiện nay nhiều cơ sở đào tạo đã chuyển sang mô hình lấy người học làm trung tâm. SV được khuyến khích tham gia thảo luận, giải quyết tình huống thực tế, học tập theo dự án, nghiên cứu tình huống và thực hành trên các phần mềm kế toán. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy không chỉ giúp người học tiếp thu kiến thức tốt hơn mà còn phát triển các kỹ năng quan trọng như tư duy phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cũng mang lại hiệu quả rõ rệt. Các nền tảng học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (LMS), lớp học thông minh và thư viện điện tử giúp SV có thể học tập linh hoạt, chủ động tiếp cận tài liệu và trao đổi với GV ngoài thời gian lên lớp. Điều này đặc biệt phát huy hiệu quả trong giai đoạn dịch Covid-19 và tiếp tục được duy trì như một phương thức hỗ trợ đào tạo trong thời kỳ CDS. Ví dụ, khi học môn Kế toán tài chính, thay vì chỉ thực hiện các bài tập trên giấy, SV được giao xử lý bộ chứng từ điện tử của một doanh nghiệp giả định, nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán và lập báo cáo tài chính. Qua hoạt động này, SV vừa củng cố kiến thức chuyên môn vừa làm quen với quy trình làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

- *Kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ của SV được cải thiện đáng kể:* SV ngành Kế toán ngày càng có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành và các công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu. Bên cạnh việc sử dụng Microsoft Excel ở mức nâng cao, nhiều SV đã được tiếp cận với Power BI, Google Data Studio, SQL hoặc các phần mềm ERP phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp (Lê Thị Thanh Hải, 2021). Đây là những kỹ năng mà doanh nghiệp đặc biệt quan tâm trong quá trình tuyển dụng nhân sự kế toán. Việc làm chủ công nghệ giúp người học không chỉ thực hiện tốt nghiệp vụ kế toán mà còn có khả năng phân tích dữ liệu tài chính, xây dựng báo cáo quản trị và hỗ trợ lãnh đạo doanh nghiệp trong việc ra quyết định. Điều này phản ánh sự chuyển dịch vai trò của kế toán từ người ghi chép số liệu sang chuyên gia phân tích và tư vấn tài chính. Ví dụ, thay vì mất nhiều giờ tổng hợp doanh thu bằng phương pháp thủ công, SV có thể sử dụng Power BI để kết nối dữ liệu từ phần mềm kế toán, xây dựng bảng điều khiển (Dashboard) trực quan và phân tích doanh thu theo sản phẩm, khách hàng hoặc khu vực chỉ trong vài phút. Đây là kỹ năng đang được nhiều doanh nghiệp đánh giá cao trong bối cảnh CDS.

- *Mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp ngày càng được tăng cường:* Trong thời gian qua, nhiều trường đại học đã chủ động thiết lập quan hệ hợp tác với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Doanh nghiệp không chỉ tiếp nhận SV thực tập mà còn tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức các hội thảo chuyên đề,

hướng dẫn kỹ năng nghề nghiệp và tuyển dụng SV ngay sau khi tốt nghiệp. Thông qua các chương trình thực tập, SV có cơ hội tham gia trực tiếp vào quy trình xử lý chứng từ điện tử, kê khai thuế, lập báo cáo tài chính, sử dụng phần mềm kế toán và làm việc trong môi trường doanh nghiệp thực tế. Đây là điều kiện quan trọng giúp người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc và khả năng thích ứng với môi trường lao động hiện đại. Ví dụ, nhiều doanh nghiệp kiểm toán và tư vấn tài chính thường xuyên tổ chức chương trình thực tập nghề nghiệp kéo dài từ hai đến ba tháng. Trong thời gian này, SV được tham gia hỗ trợ kiểm tra chứng từ, nhập dữ liệu kế toán, đối chiếu công nợ và lập báo cáo tài chính dưới sự hướng dẫn của các kế toán viên và kiểm toán viên giàu kinh nghiệm. Sau kỳ thực tập, nhiều SV có kết quả tốt được doanh nghiệp tuyển dụng chính thức, góp phần giảm khoảng cách giữa đào tạo và sử dụng lao động.

- *Nhận thức của người học về học tập suốt đời và phát triển kỹ năng nghề nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực:* Trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng, SV ngành Kế toán ngày càng nhận thức rõ rằng kiến thức được học tại trường chỉ là nền tảng ban đầu và cần liên tục cập nhật để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp. Nhiều SV chủ động tham gia các khóa học trực tuyến về phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ chuyên ngành và các chứng chỉ nghề nghiệp như ACCA, ICAEW hoặc CPA nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động. Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, SV cũng chú trọng phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề. Đây là những năng lực quan trọng giúp kế toán viên có thể làm việc hiệu quả trong môi trường số, nơi mà sự phối hợp giữa các bộ phận và khả năng thích ứng với công nghệ đóng vai trò ngày càng lớn.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong đào tạo nguồn nhân lực kế toán trong bối cảnh nền kinh tế số

Chương trình đào tạo còn chậm đổi mới và chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ số: Nội dung đào tạo kế toán tại nhiều cơ sở giáo dục vẫn thiên về truyền đạt kiến thức chuyên môn truyền thống, trong khi các nội dung liên quan đến CĐS mới chỉ được tích hợp ở mức độ nhất định. Nhiều chương trình đào tạo vẫn tập trung vào các kỹ thuật ghi sổ, hạch toán và lập báo cáo tài chính theo phương pháp truyền thống, trong khi doanh nghiệp hiện nay đã chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, hệ thống ERP, AI và các công cụ phân tích dữ liệu để tự động hóa phần lớn quy trình kế toán (Nguyễn Thị Hoàn, 2022). Điều này dẫn đến tình trạng SV có nền tảng lý thuyết tương đối tốt nhưng thiếu kiến thức về công nghệ và gặp nhiều khó khăn khi làm việc trong môi trường số. Bên cạnh đó, việc cập nhật chương trình đào tạo thường phải trải qua nhiều bước thẩm định và phê duyệt nên mất khá nhiều thời gian. Trong khi đó, công nghệ số thay đổi rất nhanh, các phần mềm kế toán và phương thức quản trị doanh nghiệp liên tục được nâng cấp. Vì vậy, nhiều nội dung được giảng dạy có nguy cơ trở nên lạc hậu ngay khi SV tốt nghiệp. Ví dụ, nhiều doanh nghiệp hiện nay đã ứng dụng Power BI để phân tích dữ liệu tài chính hoặc sử dụng AI để tự động nhận diện hóa đơn nhưng không ít SV vẫn chưa được tiếp cận với các công cụ này trong quá trình học tập.

Phương pháp giảng dạy vẫn còn nặng về lý thuyết và chưa phát huy được năng lực thực hành của người học: Mặc dù nhiều trường đại học đã từng bước đổi mới phương pháp giảng dạy nhưng ở không ít cơ sở đào tạo, hình thức giảng dạy truyền thống vẫn chiếm ưu thế. GV chủ yếu truyền đạt kiến thức theo giáo trình, trong khi SV tiếp thu một cách thụ động thông qua ghi chép và học thuộc. Phương pháp này giúp người học nắm được các nguyên tắc kế toán nhưng chưa tạo điều kiện để rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống, tư duy phản biện và khả năng ứng dụng công nghệ vào công việc thực tế. Bên cạnh đó, thời lượng thực hành trên các phần mềm kế toán và hệ thống quản trị doanh nghiệp còn khá ít. Nhiều SV chỉ được học các thao tác cơ bản trên phần mềm trong một số tiết thực hành, chưa có điều kiện xử lý các bộ dữ liệu lớn hoặc giải quyết các tình huống phát sinh như tại doanh nghiệp nên sau khi tốt nghiệp nhiều SV vẫn phải mất từ 3 đến 6 tháng để được doanh nghiệp đào tạo lại trước khi có thể đảm nhận công việc độc lập.

Kỹ năng số và năng lực ngoại ngữ của một bộ phận SV còn hạn chế: Trong nền kinh tế số, kế toán viên không chỉ cần kiến thức chuyên môn mà còn phải thành thạo công nghệ thông tin, có khả năng khai thác dữ liệu và sử dụng ngoại ngữ để tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, thực tế cho

thấy nhiều SV vẫn chủ yếu sử dụng Microsoft Excel ở mức cơ bản, chưa có khả năng khai thác các công cụ phân tích dữ liệu như Power BI, SQL hoặc các hệ thống ERP. Điều này làm giảm năng lực cạnh tranh của SV khi tham gia tuyển dụng tại các doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, trình độ ngoại ngữ chuyên ngành của nhiều SV kế toán vẫn chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Việc hạn chế về tiếng Anh khiến người học gặp khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu chuyên môn, cập nhật chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), sử dụng phần mềm kế toán nước ngoài hoặc giao tiếp với chuyên gia quốc tế. Đây là một trong những nguyên nhân làm hạn chế cơ hội nghề nghiệp của SV trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp vẫn chưa thật sự chặt chẽ: Mặc dù nhiều trường đại học đã ký kết hợp tác với doanh nghiệp nhưng trên thực tế, sự phối hợp này ở nhiều nơi vẫn còn mang tính hình thức. Doanh nghiệp chủ yếu tham gia tiếp nhận SV thực tập trong thời gian ngắn, trong khi việc phối hợp xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá chuẩn đầu ra hoặc tham gia giảng dạy còn khá hạn chế. Điều này khiến nội dung đào tạo chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu thực tế của thị trường lao động (Phan Nguyễn Hoàng Chánh, Lê Đức Thắng, 2019). Bên cạnh đó, chất lượng các chương trình thực tập chưa đồng đều giữa các đơn vị tiếp nhận. Nhiều SV chỉ được giao thực hiện các công việc hành chính đơn giản như sắp xếp chứng từ, nhập dữ liệu hoặc photo tài liệu thay vì trực tiếp tham gia các nghiệp vụ kế toán. Vì vậy, sau kỳ thực tập, SV chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm chuyên môn và vẫn thiếu kỹ năng làm việc thực tế.

Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ phục vụ đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu CĐTS: Việc ứng dụng công nghệ số trong đào tạo đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải đầu tư đồng bộ về phòng máy tính, phần mềm bản quyền, hệ thống mạng, máy chủ và các nền tảng học tập trực tuyến. Tuy nhiên, không phải cơ sở đào tạo nào cũng có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện. Ở một số trường, phòng thực hành kế toán còn thiếu thiết bị hiện đại, số lượng máy tính hạn chế hoặc cấu hình thấp, khiến việc triển khai các phần mềm quản trị doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, chi phí mua bản quyền các hệ thống ERP quốc tế như SAP hay Oracle khá lớn, vượt quá khả năng đầu tư của nhiều trường đại học. Do đó, SV chủ yếu được thực hành trên các phần mềm kế toán nội địa với quy mô nhỏ, trong khi nhiều doanh nghiệp lớn đang sử dụng các hệ thống quản trị tích hợp hiện đại. Sự khác biệt này tạo ra khoảng cách đáng kể giữa môi trường học tập và làm việc thực tế.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kế toán trong bối cảnh nền kinh tế số

2.2.1. Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng chuyển đổi số

Hiện nay, quá trình CĐTS đã làm thay đổi căn bản phương thức thực hiện các nghiệp vụ kế toán khi nhiều công đoạn như nhập liệu, hạch toán, lập báo cáo tài chính hay đối chiếu số liệu đã được tự động hóa thông qua các phần mềm kế toán và hệ thống quản trị doanh nghiệp. Do đó, nếu chương trình đào tạo vẫn chỉ tập trung vào các kiến thức truyền thống mà chưa cập nhật những yêu cầu mới của thị trường lao động thì SV sẽ gặp nhiều khó khăn khi tham gia làm việc thực tế. Vì vậy, các cơ sở đào tạo cần rà soát và xây dựng chương trình theo hướng cân bằng giữa kiến thức chuyên môn và năng lực công nghệ, bảo đảm SV vừa nắm vững nguyên lý kế toán, vừa có khả năng ứng dụng các công cụ số trong xử lý và phân tích thông tin tài chính. Một nội dung quan trọng trong đổi mới chương trình là bổ sung các học phần liên quan đến CĐTS như phân tích dữ liệu kế toán (Data Analytics), AI trong kế toán, blockchain trong kế toán - kiểm toán, điện toán đám mây (Cloud Computing), an toàn dữ liệu, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và phân tích báo cáo tài chính bằng các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Trần Thị Hồng Vân, 2022). Những học phần này không nhằm thay thế các môn học truyền thống mà giúp SV hiểu được cách thức công nghệ hỗ trợ quá trình xử lý thông tin kế toán và nâng cao chất lượng ra quyết định quản trị. Đồng thời, nhà trường cần tăng tỷ lệ thực hành trên các phần mềm kế toán như MISA, FAST, Bravo, SAP hoặc Oracle để SV được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế ngay từ khi còn trên giảng đường. Ví dụ, một doanh nghiệp thương mại sử dụng hệ thống SAP ERP có thể tự động ghi nhận doanh thu, cập nhật hàng tồn kho và lập báo cáo tài chính ngay sau khi giao dịch phát sinh. Nếu SV chỉ được học phương pháp ghi sổ thủ công mà chưa từng tiếp

cận ERP thì sẽ mất nhiều thời gian để thích nghi khi đi làm. Ngược lại, SV được thực hành trên các hệ thống này sẽ nhanh chóng hòa nhập với môi trường doanh nghiệp và giảm đáng kể thời gian đào tạo lại. Điều này cho thấy đổi mới chương trình đào tạo không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong thời kỳ CĐS.

2.2.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học

Song song với việc đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy cũng cần được thay đổi nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của SV. Trong nhiều năm qua, việc giảng dạy kế toán tại không ít cơ sở đào tạo vẫn chủ yếu theo phương pháp truyền thống, GV giảng bài và SV ghi chép, khiến người học tiếp thu kiến thức một cách thụ động. Trong khi đó, môi trường làm việc hiện đại đòi hỏi kế toán viên phải có khả năng phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và đưa ra các khuyến nghị tài chính cho nhà quản trị. Vì vậy, việc chuyển từ đào tạo theo hướng truyền đạt kiến thức sang đào tạo phát triển năng lực là yêu cầu tất yếu. Một trong những phương pháp hiệu quả là học tập theo dự án (Project-based Learning). Theo phương pháp này, SV sẽ được giao giải quyết một tình huống thực tế như xây dựng hệ thống kế toán cho doanh nghiệp mới thành lập, lập báo cáo tài chính từ dữ liệu phát sinh hoặc phân tích hiệu quả sử dụng vốn của một doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện dự án, SV phải thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, làm việc nhóm, sử dụng phần mềm kế toán và trình bày kết quả trước GV. Điều này giúp người học phát triển đồng thời kiến thức chuyên môn, kỹ năng công nghệ và kỹ năng mềm. Ngoài ra, phương pháp nghiên cứu tình huống (Case Study) cũng cần được áp dụng thường xuyên (Trần Thị Ngọc Anh, 2019). Thông qua các tình huống mô phỏng những sai sót trong ghi nhận doanh thu, gian lận tài chính hoặc quản trị chi phí, SV sẽ học được cách nhận diện vấn đề, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp phù hợp. Đây là phương pháp được nhiều trường đại học và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế sử dụng nhằm nâng cao năng lực tư duy phản biện cho người học. Ví dụ, thay vì yêu cầu SV lập bảng cân đối kế toán trên giấy, GV có thể cung cấp bộ chứng từ điện tử của một doanh nghiệp và yêu cầu SV nhập dữ liệu vào phần mềm MISA, sau đó lập báo cáo tài chính, phân tích các chỉ tiêu thanh khoản, khả năng sinh lời và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Quá trình này giúp SV hiểu rõ quy trình kế toán thực tế và hình thành kỹ năng làm việc tương tự như tại doanh nghiệp.

2.2.3. Tăng cường hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp

Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo NNLT. Một trong những hạn chế hiện nay là chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp chưa có sự đồng bộ. Nhiều SV sau khi tốt nghiệp vẫn thiếu kỹ năng thực hành, chưa thành thạo phần mềm kế toán hoặc chưa quen với quy trình làm việc trong doanh nghiệp. Điều này làm gia tăng chi phí đào tạo lại và kéo dài thời gian thích nghi của người lao động. Để khắc phục tình trạng trên, doanh nghiệp cần tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo và xác định chuẩn đầu ra. Với lợi thế là đơn vị trực tiếp sử dụng lao động, doanh nghiệp có thể cung cấp thông tin về các kỹ năng, công nghệ và yêu cầu nghề nghiệp mới để nhà trường kịp thời điều chỉnh nội dung giảng dạy. Bên cạnh đó, các chuyên gia đang làm việc trong doanh nghiệp nên được mời tham gia giảng dạy các chuyên đề thực hành hoặc chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp giúp SV hiểu rõ hơn về môi trường làm việc thực tế. Hoạt động thực tập cũng cần được đổi mới theo hướng gắn với công việc chuyên môn thay vì chỉ mang tính hình thức. SV cần được tham gia trực tiếp vào các công việc như xử lý hóa đơn điện tử, kê khai thuế, sử dụng phần mềm ERP, lập báo cáo tài chính hoặc hỗ trợ kiểm toán nội bộ dưới sự hướng dẫn của kế toán viên có kinh nghiệm. Thông qua đó, người học sẽ rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc và khả năng thích ứng với áp lực công việc.

2.2.4. Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên

Đội ngũ GV là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo nên việc nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực số của GV là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh nền kinh tế số. Nếu GV chưa được cập nhật các công nghệ mới thì rất khó truyền đạt cho SV những kiến thức và kỹ năng mà doanh nghiệp đang cần. Vì vậy, các cơ sở đào tạo cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho GV về CĐS, AI, phân

tích dữ liệu, phần mềm ERP và các xu hướng mới trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán (Trần Thị Ngọc Thúy, 2022). Bên cạnh việc tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, GV cũng cần tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác với doanh nghiệp và tham gia các dự án tư vấn thực tế. Quá trình này không chỉ giúp GV cập nhật kiến thức mà còn tạo điều kiện để đưa các tình huống thực tiễn vào bài giảng, góp phần nâng cao tính ứng dụng của chương trình đào tạo.

2.2.5. Phát triển kỹ năng học tập suốt đời và năng lực tự học của sinh viên

Trong nền kinh tế số, công nghệ thay đổi với tốc độ rất nhanh, vì vậy những kiến thức được học tại trường đại học có thể nhanh chóng trở nên lạc hậu nếu người lao động không chủ động cập nhật. Vì vậy, đào tạo kế toán không chỉ cung cấp kiến thức chuyên môn mà còn phải hình thành cho SV năng lực tự học và học tập suốt đời. Đây được xem là yếu tố quyết định khả năng thích ứng của nguồn nhân lực trong môi trường làm việc hiện đại. Các cơ sở đào tạo cần khuyến khích SV khai thác khóa học trực tuyến, sử dụng tài liệu số, tham gia cuộc thi chuyên môn và chương trình chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế. Đồng thời, GV cần hướng dẫn phương pháp tìm kiếm, đánh giá và xử lý thông tin, thay vì chỉ truyền đạt kiến thức có sẵn. Điều này giúp SV hình thành tư duy độc lập, khả năng nghiên cứu và chủ động cập nhật quy định mới về kế toán, thuế và công nghệ.

3. Kết luận

Nền kinh tế số đang tạo ra những thay đổi sâu rộng đối với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó kế toán là một trong những ngành nghề chịu tác động mạnh mẽ nhất. Sự phát triển của các công nghệ số như AI, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), blockchain và tự động hóa quy trình không chỉ làm thay đổi phương thức thực hiện các nghiệp vụ kế toán truyền thống mà còn định hình lại vai trò của người làm kế toán trong doanh nghiệp. Thay vì chủ yếu thực hiện công việc ghi chép, tổng hợp và lập báo cáo tài chính, kế toán ngày nay được kỳ vọng trở thành chuyên gia phân tích dữ liệu, tư vấn tài chính và hỗ trợ nhà quản trị trong quá trình ra quyết định. Điều này đòi hỏi NNLKT phải được trang bị đồng thời kiến thức chuyên môn vững chắc, năng lực ứng dụng công nghệ số, kỹ năng phân tích dữ liệu, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường làm việc liên tục thay đổi. Để nâng cao chất lượng đào tạo NNLKT cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tích hợp công nghệ số, tăng cường đào tạo kỹ năng thực hành trên các phần mềm kế toán và hệ thống ERP, ứng dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, nâng cao năng lực đội ngũ GV và mở rộng hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp. Đồng thời, người học cũng cần chủ động rèn luyện kỹ năng số, ngoại ngữ, tư duy phân tích và tinh thần học tập suốt đời nhằm thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường nghề nghiệp. Do đó, đổi mới đào tạo NNLKT không chỉ là yêu cầu cấp thiết của các cơ sở giáo dục mà còn là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế số, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Bùi Quang Hùng, Mai Thị Hoàng Minh (2024). Nhu cầu của doanh nghiệp với đào tạo kế toán trong điều kiện kinh tế số hiện nay. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, tháng 1+2, số 244+245, tr. 60-66.

Lê Thị Thanh Hải (2021). *Đào tạo nhân lực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0*. <https://tapchitaichinh.vn>, ngày 14/8/2021.

Nguyễn Thị Hoàn (2022). Giải pháp ứng dụng chuyển đổi số trong đào tạo và hành nghề kế toán tại Việt Nam. *Tạp chí Công thương*, số 12 tháng 5, tr. 50-55.

Phan Nguyễn Hoàng Chánh, Lê Đức Thắng (2019). Phát triển ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 8, tr. 29-34.

Trần Thị Hồng Vân (2021). Hoạt động đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán tại các trường đại học. *Tạp chí Công thương*, số 28 tháng 12, tr. 45-50.

Trần Thị Ngọc Anh (2019). Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến lĩnh vực kế toán. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 9, tr. 60-65.

Trần Thị Ngọc Thúy (2021). Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán tại Việt Nam. *Tạp chí Công thương*, số 28 tháng 12, tr. 57-62.